HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM
62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,
Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1579
(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 20/10/2026 đến ngày 26/10/2026)

A/ THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

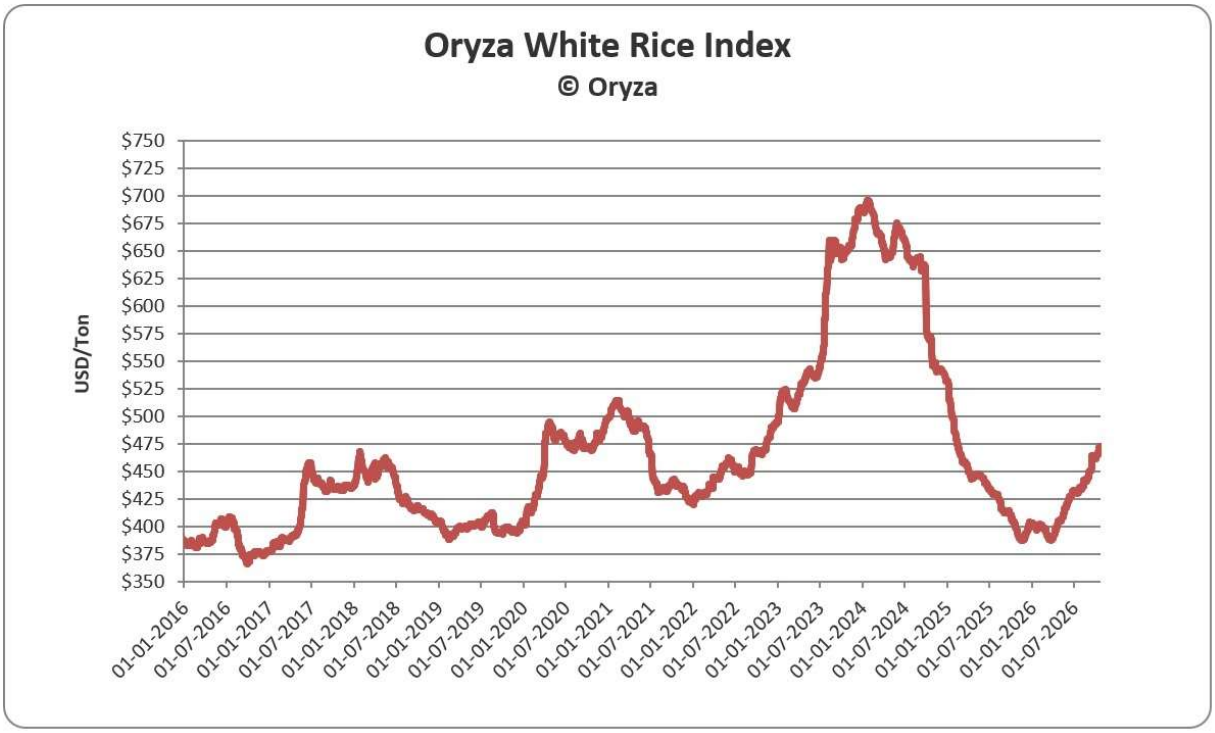
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: *(Nguồn Oryza.com)*

Bảng giá gạo thế giới: *(USD/MT, FOB)*

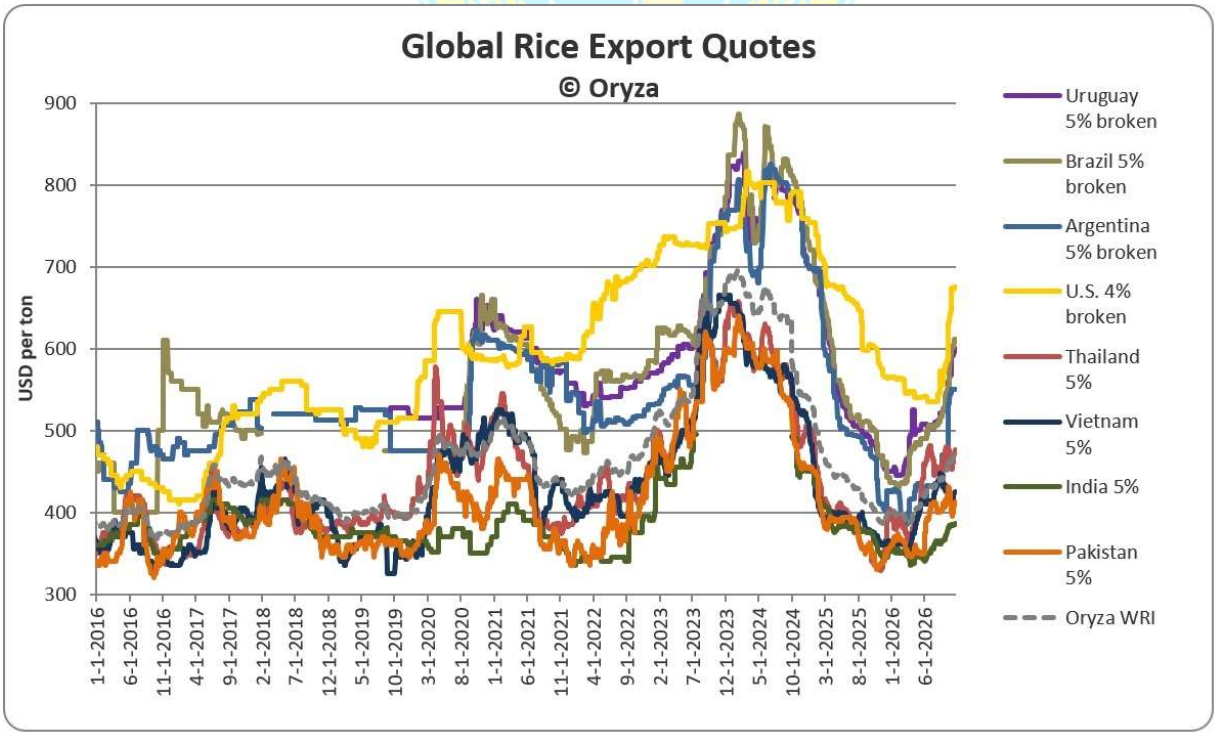
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	20 – 10		21 – 10		22 – 10		23 – 10	
		min	*max*	*min*	*max*	*min*	*max*	*min*	*max*
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	484	488	483	487	484	488	483	487
	5% tấm	474	478	473	477	474	478	473	477
	25% tấm	442	446	442	446	442	446	442	446
	Hom Mali 92%	1119	1123	1120	1124	1119	1123	1120	1124
	Gạo đồ 100% Stxd	485	489	485	489	485	489	485	489
	A1 Super	393	397	394	398	393	397	394	398
VIỆT NAM	5% tấm	424	428	423	427	424	428	423	427
	25% tấm	403	407	401	405	403	407	401	405
	Gạo thơm 5% tấm	470	475	470	475	470	475	470	475
	Jasmine	518	522	519	523	518	522	519	523
	100% tấm	382	386	384	388	382	386	384	388
ẤN ĐỘ	5% tấm	385	389	385	389	385	389	385	389
	25% tấm	375	379	375	379	375	379	375	379
	Gạo đồ 5% Stxd	380	384	379	383	380	384	379	383
	100% tấm Stxd	327	331	327	331	327	331	327	331
PAKISTAN	5% tấm	411	415	411	415	411	415	411	415
	25% tấm	386	390	386	390	386	390	386	390
	100% tấm Stxd	340	344	340	344	340	344	340	344
MIẾN ĐIỆN	5% tấm	462	466	462	466	462	466	462	466
MỸ	4% tấm	673	677	673	677	673	677	673	677
	15% tấm (Sacked)	649	653	649	653	649	653	649	653
	Gạo đồ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	908	912	908	912	908	912	908	912

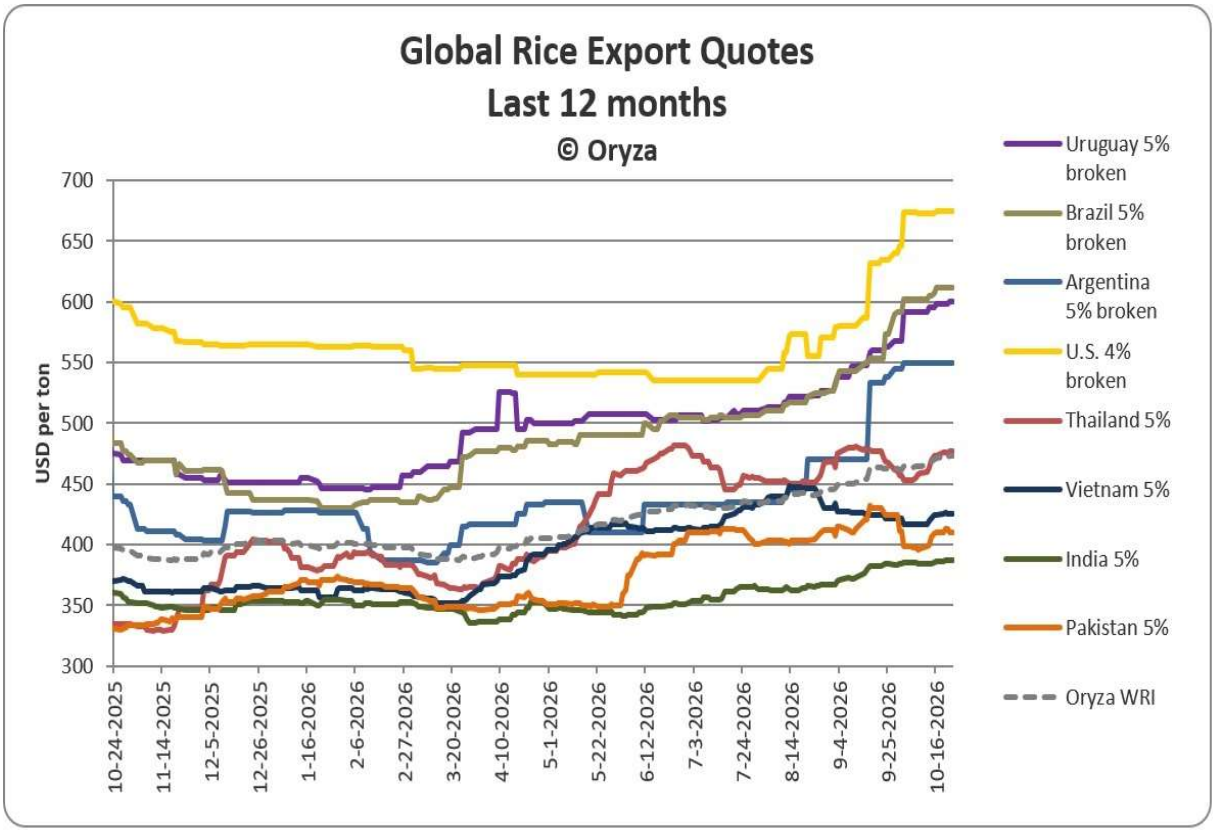
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

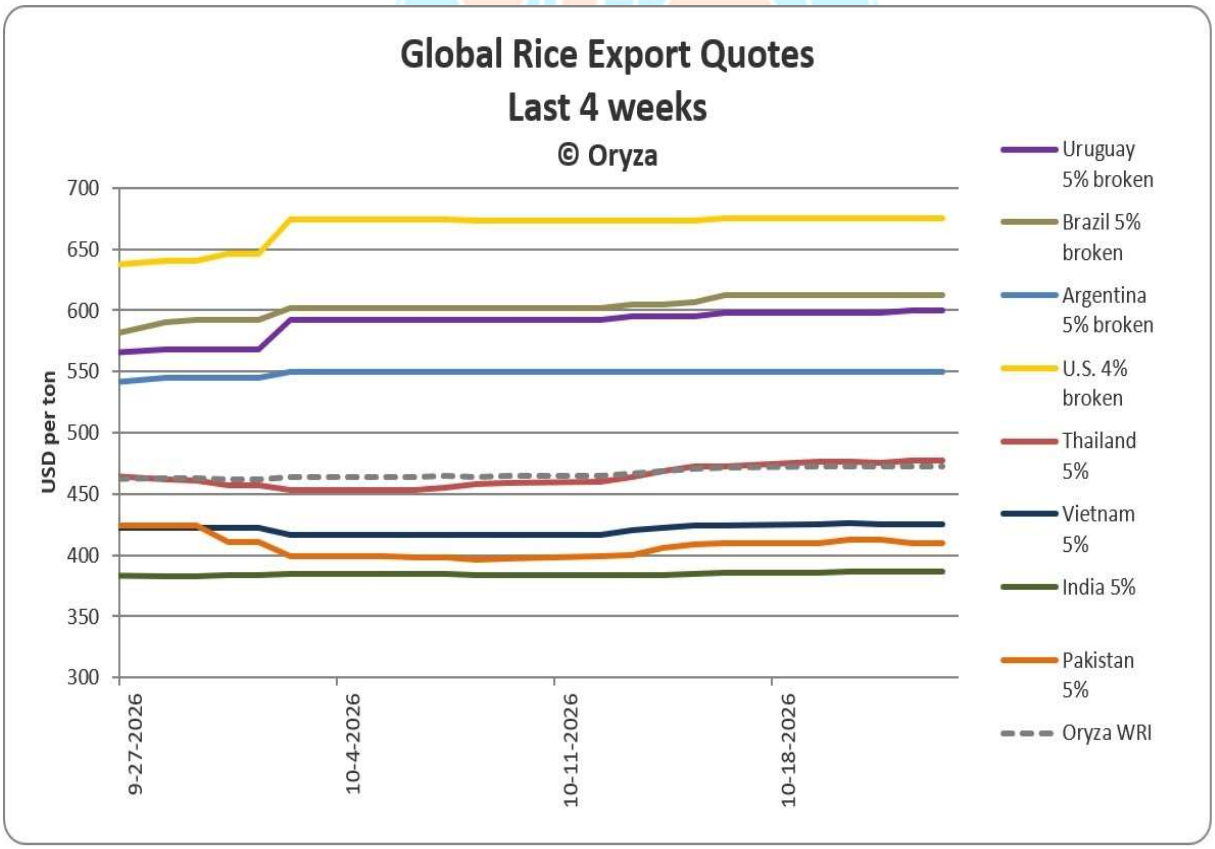
*Tổng quan thị trường:

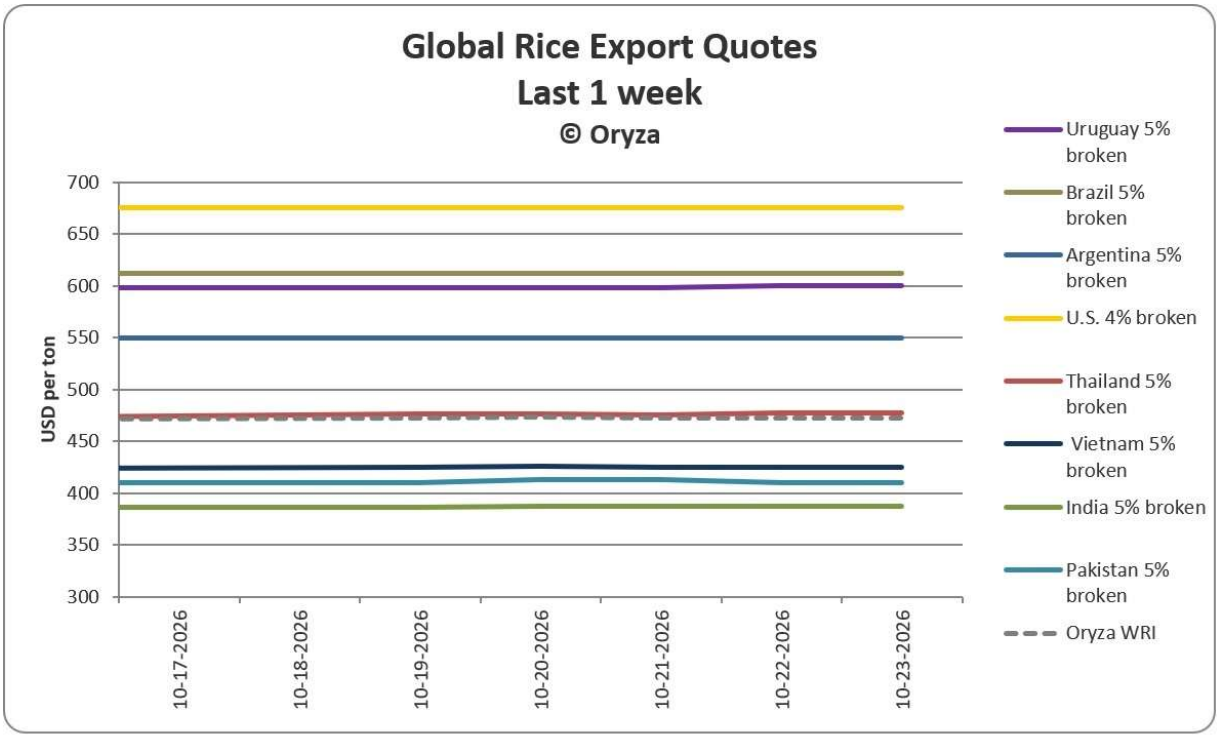


Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 473 USD/tấn, tăng 1 USD/tấn so với tuần trước và tăng 9 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 73 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.




Global Rice Export Quotes
Last 12 months
© Oryza
USD per ton
700
650
600
550
500
450
400
350
300
10-24-2025
11-14-2025
12-5-2025
12-26-2025
1-16-2026
2-6-2026
2-27-2026
3-20-2026
4-10-2026
5-1-2026
5-22-2026
6-12-2026
7-3-2026
7-24-2026
8-14-2026
9-4-2026
9-25-2026
10-16-2026
Uruguay 5% broken
Brazil 5% broken
Argentina 5% broken
U.S. 4% broken
Thailand 5%
Vietnam 5%
India 5%
Pakistan 5%
Oryza WRI


Global Rice Export Quotes
Last 4 weeks
© Oryza
USD per ton
700
650
600
550
500
450
400
350
300
9-27-2026
10-4-2026
10-11-2026
10-18-2026
Uruguay 5% broken
Brazil 5% broken
Argentina 5% broken
U.S. 4% broken
Thailand 5%
Vietnam 5%
India 5%
Pakistan 5%
Oryza WRI



**** Lạm phát giá lương thực toàn cầu dự báo gia tăng trong những tháng cuối năm 2026 và kéo dài sang năm 2027***

Theo Reuters, lạm phát giá lương thực toàn cầu dự báo sẽ gia tăng trong những tháng cuối năm 2026 và tiếp tục kéo dài sang năm 2027, do các cuộc xung đột địa chính trị, gián đoạn vận tải biển, chi phí nhiên liệu và phân bón tăng cao, cùng với những rủi ro thời tiết liên quan đến hiện tượng El Niño đe dọa nguồn cung nông sản. Tình trạng gián đoạn vận tải qua eo biển Hormuz và việc các tàu phải chuyển hướng hành trình vòng qua châu Phi đã khiến giá cước vận tải trên một số tuyến hàng hải chính tăng khoảng 50%, làm gia tăng chi phí sản xuất và vận chuyển lương thực. Giá gạo tại các nước xuất khẩu lớn ở châu Á đã tăng từ 10–13% mặc dù lượng tồn kho vẫn ở mức đáng kể, trong khi giá gạo tại Indonesia tăng lên mức cao kỷ lục do lo ngại tình trạng mưa đến muộn. Giá lúa mì thế giới đã tăng hơn 30% trong năm 2026, trong khi giá đường, hành và các loại đậu tại Ấn Độ tăng trên 10% trong tháng 9 so với tháng trước do sản lượng sụt giảm. Chỉ số giá lương thực của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) đạt 136 điểm trong tháng 9, mức cao nhất kể từ tháng 11/2022. Giá lương thực có thể tiếp tục chịu áp lực tăng khi các nước nhập khẩu tại Trung Đông và châu Phi nối lại hoạt động thu mua trên thị trường quốc tế. Đối với thị trường gạo, những bất ổn về thời tiết, chi phí sản xuất và vận tải tăng cao, cùng với nhu cầu nhập khẩu gia tăng có thể hỗ trợ giá gạo, mặc dù lượng tồn kho gạo toàn cầu dồi dào có thể góp phần hạn chế mức tăng giá mạnh hơn.

*** Hiện tượng El Niño giai đoạn 2026–2027 làm gia tăng lo ngại về sản xuất nông nghiệp và nguồn nước tại các vùng sản xuất trọng điểm**

Theo báo cáo Giám sát mùa vụ toàn cầu (GEOGLAM Crop Monitor) công bố ngày 16/10, hiện tượng El Niño đang mạnh lên trong giai đoạn 2026–2027, làm gia tăng lo ngại về sản xuất nông nghiệp và khả năng cung cấp nguồn nước tại các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm. Hiện tượng này dự báo sẽ kéo dài đến tháng 4/2027 và có thể đạt cường độ rất mạnh vào cuối năm 2026, gây ra tình trạng nắng nóng và khô hạn kéo dài tại một số khu vực Nam Á và Đông Nam Á, đồng thời làm gia tăng nguy cơ hạn hán tại miền Nam châu Phi. Tại Ấn Độ, lượng mưa gió mùa thấp hơn mức trung bình tại một số khu vực và nhiệt độ cao bất thường tại một số vùng phía Nam có thể khiến tình trạng nắng nóng và thiếu hụt độ ẩm trở nên nghiêm trọng hơn. Tình trạng thiếu mưa tương tự cũng đã ảnh hưởng đến một số khu vực của Thái Lan, Việt Nam, Miến Điện, Indonesia và Philippines, mặc dù điều kiện thời tiết dự kiến sẽ khác nhau giữa các khu vực. Đối với ngành lúa gạo, lượng mưa suy giảm, nguồn nước tưới hạn chế và nhiệt độ tăng cao có thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển và năng suất cây lúa, qua đó có khả năng làm thắt chặt nguồn cung và gây áp lực tăng giá gạo quốc tế nếu sản lượng tại các nước xuất khẩu chủ chốt sụt giảm. Tuy nhiên, báo cáo chỉ xác định những rủi ro tiềm ẩn về khí hậu, chưa ghi nhận thiệt hại thực tế về sản lượng. Do đó, diễn biến lượng mưa, khả năng cung cấp nguồn nước, tình hình sinh trưởng của cây lúa và các dự báo thu hoạch chính thức sẽ là những yếu tố quan trọng để đánh giá tác động đối với nguồn cung gạo và thương mại gạo toàn cầu trong những tháng tới.

Philippines

Bộ Nông nghiệp Philippines (DA) tái khẳng định quyết định không cho phép nhập khẩu lô hàng 12.480 tấn gạo từ Việt Nam do những sai phạm liên quan đến giấy phép nhập khẩu, sự không phù hợp giữa quy cách gạo theo hợp đồng và thực tế, cùng với lo ngại việc lô hàng đến chậm có thể gây áp lực lên giá gạo nội địa trong thời điểm thu hoạch vụ mùa mưa. Lô hàng do Công ty Planters Product Inc. nhập khẩu, được vận chuyển trên tàu MV Tây Sơn 2, theo hợp đồng là gạo 25% tấm nhưng thực tế được cho là gạo 5% tấm và cập cảng Davao ngày 14/9/2026, muộn hơn nhiều so với lịch trình ban đầu vào tháng 7. Sau khi tàu rời cảng Davao và bị Hải quân Philippines chặn lại ngoài khơi Sarangani, tàu đã được đưa trở lại cảng, nơi cơ quan hải quan đang xem xét phương án xử lý cuối cùng đối với lô hàng. Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI) đã kiến nghị trả lại lô gạo về Việt Nam, trong khi DA phản đối phương án bán đấu giá và đề xuất khả năng sử dụng lô hàng để quyên tặng, với điều kiện đáp ứng các yêu cầu về an toàn và pháp lý. Vụ việc cho thấy

những nỗ lực của Philippines trong việc tăng cường thực thi các quy định nhập khẩu, điều tiết thời điểm gạo nhập khẩu về nước phù hợp với mùa thu hoạch trong nước và bảo vệ nông dân trước nguy cơ giá lúa giảm.

Philippines tiếp tục phụ thuộc vào nguồn gạo nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, đồng thời phải cân đối giữa mục tiêu bảo đảm khả năng chi trả của người tiêu dùng và hỗ trợ nông dân trong nước. Sau khi tạm ngừng nhập khẩu gạo từ tháng 9 đến tháng 12/2025 nhằm bảo vệ giá lúa tại ruộng, Chính phủ tiếp tục cho phép nhập khẩu trong năm 2026 do lo ngại tác động của hiện tượng El Niño và nguy cơ thiếu hụt nguồn cung nội địa. Chính sách điều hành kết hợp việc điều chỉnh linh hoạt thuế nhập khẩu, Quỹ Nâng cao năng lực cạnh tranh ngành lúa gạo (RCEF) và tăng cường thu mua của Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) nhằm hỗ trợ nông dân. Tuy nhiên, nhập khẩu gạo gia tăng đã làm dấy lên những ý kiến chỉ trích đối với Luật Thuế hóa gạo năm 2019, trong đó các tổ chức nông nghiệp kêu gọi tăng cường đầu tư vào sản xuất trong nước và giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu. Theo các ước tính của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) được Davao Today dẫn lại, Philippines dự kiến tiếp tục là quốc gia nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới trong năm 2027.

Trung Quốc

Các mô hình canh tác lúa kết hợp tại Trung Quốc, bao gồm trồng lúa kết hợp nuôi vịt hoặc nuôi cá, đang thu hút sự quan tâm nhờ khả năng giảm sử dụng hóa chất nông nghiệp, đa dạng hóa nguồn thu nhập của nông dân và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Một thử nghiệm đồng ruộng năm 2022 tại tỉnh Chiết Giang cho thấy mô hình canh tác lúa hữu cơ kết hợp nuôi vịt mang lại lợi nhuận cao gấp 7,6 lần so với phương thức canh tác truyền thống. Tuy nhiên, sự gia tăng mật độ rầy và rầy xanh, cùng với sự suy giảm số lượng các loài sinh vật có ích giúp kiểm soát sâu hại. Trong khi đó, một nghiên cứu năm 2011 tại Thanh Điền cho thấy mô hình trồng lúa kết hợp nuôi cá đạt năng suất tương đương phương thức canh tác lúa truyền thống, đồng thời giảm 68% lượng thuốc bảo vệ thực vật và 24% lượng phân bón hóa học sử dụng. Được Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) công nhận là Hệ thống Di sản Nông nghiệp Quan trọng Toàn cầu (GIAHS), mô hình lúa – cá cho thấy những lợi ích tiềm năng về môi trường của phương thức sản xuất nông nghiệp kết hợp. Tuy nhiên, hiệu quả đạt được phụ thuộc vào hệ thống canh tác và phương pháp quản lý đồng ruộng. Vì vậy, thông tin này chủ yếu phản ánh xu hướng phát triển nông nghiệp bền vững và đổi mới phương thức canh tác, thay vì những diễn biến trực tiếp của thị trường gạo.

Bangladesh

Giá gạo tại Bangladesh tăng 1–2 taka/kg (0,008-0,016 USD/kg) trong tuần tính đến ngày 17/10/2026, làm gia tăng áp lực tài chính đối với các hộ gia đình có thu nhập thấp và trung bình thấp. Theo *The Daily Star*, các thương nhân cho rằng giá tăng do chi phí vận chuyển cao hơn sau đợt tăng giá nhiên liệu và các yếu tố mùa vụ, khi lượng tồn kho gạo vụ cũ giảm trước thời điểm nguồn cung mới được đưa ra thị trường. Mặc dù chưa ghi nhận tình trạng thiếu hụt nguồn cung, giá gạo, chi phí lương thực và các khoản chi phí dịch vụ thiết yếu gia tăng đang tiếp tục gây áp lực lên ngân sách của các hộ gia đình.

Nhật Bản

Giá gạo vụ mới tại Nhật Bản giảm mạnh, với giá giao dịch ban đầu giảm 42% so với cùng kỳ năm trước khi gạo thu hoạch năm 2026 bắt đầu được đưa đến các nhà bán lẻ. Nguyên nhân chủ yếu do lượng tồn kho gạo từ vụ thu hoạch năm 2025 còn lớn, khiến giá gạo mới thấp hơn giá gạo vụ trước. Đến ngày 20/10, gạo mới thu hoạch được bán tại các siêu thị thuộc khu vực Kanto với giá khoảng 2.000 yên/bao 5 kg. Trong bối cảnh sản lượng thu hoạch năm 2026 dự kiến đạt mức trung bình, giá bán lẻ gạo có thể duy trì trong khoảng 2.000–2.500 yên/5 kg, góp phần giảm áp lực chi tiêu đối với các hộ gia đình sau giai đoạn giá gạo ở mức cao.

Indonesia

Theo *Jakarta Globe*, tình trạng dư thừa nguồn cung lương thực tại Indonesia vẫn chưa bảo đảm giá cả phù hợp với khả năng chi trả của người tiêu dùng, cho thấy những khó khăn kéo dài trong khâu phân phối, tiếp cận thị trường và bình ổn giá. Các chuyên gia kinh tế và đại diện thị trường cảnh báo rằng sản lượng gia tăng và lượng dự trữ của Chính phủ ở mức lớn không đồng nghĩa với việc giá bán lẻ sẽ tự động giảm. Các chương trình bình ổn giá gạo và dầu ăn của Chính phủ đang gặp khó khăn trong quá trình triển khai và phân phối. Chi phí thu mua và vận chuyển cao, cùng với những khó khăn trong việc duy trì nguồn cung theo mức giá quy định, đã ảnh hưởng đến các thương nhân và người tiêu dùng, đặc biệt tại các thị trường đô thị.

Mỹ Latinh

Uruguay, gạo 5% tấm hiện ở mức khoảng 600 USD/tấn, tăng khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 40 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 119 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo Hiệp hội Người trồng lúa Uruguay (ACA), tính đến ngày 20/10/2026, tiến độ gieo trồng lúa vụ 2026/27 đạt 76% kế hoạch diện tích 155.880 ha, tương đương khoảng 118.469 ha. Khu vực phía Đông dẫn đầu với tiến độ hoàn thành

91%, trong khi khu vực phía Bắc và miền Trung cùng đạt 47%. Tiến độ gieo trồng trên cả nước thấp hơn nhẹ so với mức 77% của vụ trước, nhưng cao hơn đáng kể so với vụ 2024/25 và mức trung bình 5 năm.

Argentina, gạo 5% tấm hiện ở mức khoảng 550 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng khoảng 17 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 85 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Brazil, gạo 5% tấm hiện ở mức khoảng 612 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng khoảng 59 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 114 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo Công ty Cung ứng Quốc gia Brazil (Conab), sản lượng ngũ cốc niên vụ 2026/27 dự báo đạt kỷ lục 367,1 triệu tấn, tăng 1,4% so với niên vụ trước. Riêng sản lượng gạo dự kiến giảm 2,9%, xuống còn 10,8 triệu tấn, đánh dấu năm giảm thứ hai liên tiếp do năng suất thấp, song lượng tồn kho vẫn đủ đáp ứng nhu cầu trong nước. Tiến độ gieo trồng lúa đến ngày 16/10/2026 đạt 33,2% diện tích, thấp hơn mức 35,2% cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của mưa lớn và nhiệt độ thấp tại các vùng sản xuất trọng điểm. Giá lúa theo chỉ số CEPEA đạt 82,06 BRL/bao 50 kg (323,71 USD/tấn), giảm 1,59% so với tuần trước nhưng tăng 53% so với cùng kỳ năm trước khi quy đổi sang USD. Hoạt động thu mua lúa phục vụ xuất khẩu tại bang Rio Grande do Sul đã được nối lại, góp phần cải thiện triển vọng giao dịch. Trong 9 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu gạo của Brazil đạt 1,59 triệu tấn, tăng 48,9%, kim ngạch đạt 388,7 triệu USD, tăng 20,4% so với cùng kỳ; trong khi nhập khẩu đạt 1,28 triệu tấn, tăng 16%, với nguồn cung chủ yếu từ các nước Mercosur. Brazil tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và khuyến khích sản xuất lúa gạo bền vững nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

Hoa Kỳ

Gạo 4% tấm hiện ở mức khoảng 675 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng khoảng 40 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 75 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến ngày 18/10/2026, Hoa Kỳ đã thu hoạch được 93% diện tích lúa gieo trồng, tăng nhẹ so với mức 92% của tuần trước nhưng thấp hơn mức 98% ghi nhận cùng kỳ năm 2025, cho thấy tiến độ thu hoạch năm nay chậm hơn năm trước. Tiến độ thu hoạch chung chậm hơn có thể khiến nguồn cung gạo vụ mới còn lại được đưa ra thị trường muộn hơn đôi chút.

Chính quyền Tổng thống Donald Trump đã công bố Chương trình Hỗ trợ Chi phí Nhiên liệu Mùa vụ (HFRP) trị giá 8 tỷ USD nhằm cung cấp khoản hỗ trợ tài chính một lần cho nông dân Hoa Kỳ đang phải đối mặt với chi phí nhiên liệu và sản xuất nông nghiệp tăng cao trong niên vụ 2026. Chương trình được Tổng

thống Donald Trump và Bộ trưởng Nông nghiệp Brooke Rollins công bố ngày 19/10, do Cơ quan Dịch vụ Nông nghiệp (FSA) thuộc USDA quản lý, với mức hỗ trợ được tính toán dựa trên diện tích gieo trồng, chi phí sản xuất, năng suất và giá ước tính. Mức hỗ trợ đối với các loại cây trồng chủ lực, bao gồm lúa gạo, dự kiến được công bố trong tháng 11/2026 và việc tham gia bảo hiểm cây trồng không phải là điều kiện bắt buộc để được hưởng hỗ trợ. Chương trình nhằm giảm áp lực tài chính đối với nông dân, đặc biệt là các nhà sản xuất lúa gạo đang phải đối mặt với chi phí dầu diesel tăng cao và sự cạnh tranh từ gạo nhập khẩu, mặc dù mức hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng sẽ phụ thuộc vào mức chi trả cuối cùng và các điều kiện đủ tiêu chuẩn.

Châu Âu

Tính đến ngày 18/10/2026, lượng gạo nhập khẩu của Liên minh châu Âu (EU) trong niên vụ thương mại 2026/27 đạt 169.622 tấn (quy đổi gạo xay xát), giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước, trong khi xuất khẩu giảm 31,8%, xuống còn 26.916 tấn. Campuchia là nhà cung cấp gạo xay xát và gạo bán xay xát lớn nhất cho EU với 27.601 tấn, tiếp theo là Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ với 19.573 tấn và Pakistan. Gạo Indica chiếm phần lớn lượng gạo nhập khẩu của EU, đạt tổng cộng 148.223 tấn. Về xuất khẩu, lượng gạo xay xát và bán xay xát đạt 25.187 tấn, trong đó Vương quốc Anh là thị trường xuất khẩu lớn nhất, tiếp theo là Thụy Sĩ và Na Uy.

Châu Phi

Mozambique, Viện Ngũ cốc Mozambique (ICM) đã dỡ bỏ quyết định đình chỉ hoạt động đối với Công ty Africa Industria sau khi doanh nghiệp này khắc phục những sai phạm trong thủ tục nhập khẩu gạo, cho phép công ty nối lại hoạt động nhập khẩu với điều kiện tuân thủ các quy định hiện hành. Quyết định đình chỉ trước đó nằm trong chiến dịch của Chính phủ nhằm xử lý các sai phạm liên quan đến nhập khẩu, bao gồm khai khống giá trị hóa đơn, chuyển ngoại tệ trái phép ra nước ngoài và lập hóa đơn trùng lặp. Trong quá trình này, cơ quan chức năng đã tạm giữ 25.000 tấn gạo của công ty. Africa Industria là doanh nghiệp tiếp theo, sau Pembe Mozambique, được dỡ bỏ quyết định đình chỉ, trong khi Companhia Industrial da Matola vẫn tiếp tục bị đình chỉ hoạt động cho đến khi giải quyết các vấn đề đã được xác định. ICM tái khẳng định rằng tất cả hoạt động nhập khẩu gạo và lúa mì phải tuân thủ các thủ tục quy định nhằm nâng cao tính minh bạch và tăng cường quản lý thị trường ngũ cốc tại Mozambique.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 387 USD/tấn, lần lượt tăng khoảng 1 USD/tấn so với tuần trước, 5 USD/tấn so với tháng trước và tăng 25 USD/tấn so với cùng kỳ.

Giá chào gạo xuất khẩu đã tăng lên mức cao nhất trong hơn một năm qua, do đồng rupee tăng giá, nguồn cung thắt chặt và lo ngại năng suất thu hoạch suy giảm. Khả năng duy trì mặt bằng giá hiện tại sẽ phụ thuộc vào nhu cầu xuất khẩu, lượng lúa thu hoạch mới và diễn biến tình hình Trung Đông.

Bộ trưởng Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Ấn Độ đã kêu gọi ngành gạo nước này chuyển trọng tâm từ gia tăng khối lượng xuất khẩu sang nâng cao giá trị sản phẩm, thông qua chú trọng chất lượng, chế biến, xây dựng thương hiệu và phát triển bền vững.

Nguồn tin cho biết tình trạng gió mùa suy yếu và diện tích gieo trồng lúa giảm đang làm gia tăng lo ngại về sản lượng lúa vụ Kharif và nguồn cung gạo của Ấn Độ. Tình trạng này có nguy cơ làm tăng chi phí thu mua nông sản, thu hẹp nguồn cung và tạo áp lực tăng giá lương thực trong nước. Tuy nhiên, lượng tồn kho gạo dự trữ lớn của Chính phủ được kỳ vọng sẽ góp phần hạn chế nguy cơ thiếu hụt nguồn cung trong ngắn hạn. Tác động thực tế đến khả năng cung ứng và mặt bằng giá sẽ phụ thuộc vào năng suất thu hoạch, điều kiện sản xuất tại từng khu vực và lượng hàng sẵn có trên thị trường.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 477 USD/tấn, tăng khoảng 4 USD/tấn so với tuần trước, không đổi so với tháng trước và tăng 142 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo Bộ Thương mại Thái Lan, trong 9 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu gạo của nước này đạt 4,99 triệu tấn, giảm 19,26% so với cùng kỳ năm 2025; kim ngạch xuất khẩu đạt 2,962 tỷ USD, giảm 16,84%. Mặc dù giá xuất khẩu bình quân gạo trắng 5% tấm trong tháng 9/2026 tăng 28,88%, lên mức 482 USD/tấn, hoạt động xuất khẩu vẫn chịu nhiều áp lực từ giá gạo tăng cao, nhu cầu suy yếu tại một số thị trường và chi phí vận chuyển gia tăng.

Căng thẳng tại Trung Đông đã ảnh hưởng đến hoạt động giao hàng sang Iraq, trong khi chi phí vận tải tăng cao làm hạn chế khả năng tìm kiếm nguồn cung thay thế thông qua Thổ Nhĩ Kỳ. Bên cạnh đó, nước này còn chịu sức ép cạnh tranh từ Ấn Độ và Pakistan, cùng với tình trạng thiếu hụt lao động tại các cảng biển. Để bù đắp sự sụt giảm, nước này đang đẩy mạnh tìm kiếm đơn hàng từ Philippines và Malaysia, trong bối cảnh hai thị trường tăng cường nhập khẩu nhằm bổ sung dự trữ, bảo đảm an ninh lương thực và chủ động ứng phó

với nguy cơ El Niño. Ngoài ra, Thái Lan dự kiến thúc đẩy đàm phán thương mại với Nhật Bản và Nam Phi, mở rộng các hợp đồng xuất khẩu theo hình thức giao dịch giữa chính phủ với chính phủ (G2G), đồng thời khuyến khích phát triển các giống lúa có năng suất cao và giảm chi phí sản xuất.

Nước này dự kiến duy trì mục tiêu xuất khẩu gạo năm 2027 ở mức 7 triệu tấn. Tuy nhiên, sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình Trung Đông, tác động của hiện tượng El Niño đến nhu cầu và thương mại gạo toàn cầu, cũng như tình hình cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Các cơ quan chức năng nhận định hoạt động xuất khẩu gạo của nước này sẽ tiếp tục gặp nhiều thách thức trong năm 2027.

Tình trạng mưa lớn và ngập lụt vào cuối tháng 9/2026 làm lo ngại về nguy cơ thiệt hại đối với sản lượng lúa vụ chính niên vụ 2026/27. Theo số liệu cập nhật đến ngày 7/10/2026, diện tích lúa bị ngập tại 26 tỉnh đạt 137.073 ha, tăng so với mức 111.202 ha ghi nhận ngày 4/10/2026.

Tuy nhiên, tác động đến tổng sản lượng lúa cả nước được dự báo có thể không quá lớn, do khu vực Đông Bắc – nơi đóng góp khoảng 61% sản lượng lúa vụ chính – ghi nhận tình trạng ngập lụt tương đối ít. Mức độ thiệt hại thực tế sẽ phụ thuộc vào độ sâu và thời gian ngập nước; trong đó, nhiều diện tích có khả năng chỉ bị thiệt hại một phần.

Tại khu vực Đồng bằng miền Trung, tình hình ngập lụt đã được cải thiện ở phần lớn địa bàn. Tuy nhiên, một số khu vực thuộc tỉnh Prachin Buri và Chachoengsao vẫn gặp khó khăn trong công tác tiêu thoát nước. Nước này đang triển khai các biện pháp quản lý và điều tiết nguồn nước nhằm hạn chế thiệt hại đối với sản xuất nông nghiệp. Tình hình được kỳ vọng sẽ cải thiện vào cuối tháng 10/2026 nếu không xuất hiện thêm các đợt mưa lớn.

Pakistan

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 410 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, giảm 20 USD/tấn so với tháng trước và tăng 75 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Việc đình chỉ hoạt động thương mại qua hai cửa khẩu Taftan và Gabd-Rimdan với Iran từ ngày 17/10/2026 làm lo ngại về gián đoạn xuất khẩu và gia tăng chi phí vận chuyển của các doanh nghiệp nước này.

Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Pakistan (REAP) cho biết phương án chuyển hàng đến cảng Bandar Abbas của Iran sẽ làm tăng chi phí do cước vận tải và phí bảo hiểm hàng hải gia tăng trong bối cảnh bất ổn tại Trung Đông và eo biển Hormuz. Năm 2023, Iran nhập khẩu khoảng 354.000 tấn gạo Pakistan, là một thị trường quan trọng của nước này.

REAP cảnh báo việc đóng cửa biên giới kéo dài có thể làm giảm lượng xuất khẩu, ảnh hưởng đến giá gạo trong nước và gây thiệt hại cho thương nhân. Hiệp hội đề nghị Chính phủ Pakistan và Iran sớm giải quyết vướng mắc, khôi phục hoạt động giao thương bình thường nhằm duy trì thị trường xuất khẩu quan trọng này.

Campuchia

Theo Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Campuchia, từ ngày 01/01 đến ngày 19/10/2026, xuất khẩu gạo xay xát của nước này đạt mức kỷ lục 1,01 triệu tấn, vượt tổng lượng xuất khẩu 940.000 tấn của cả năm 2025, đồng thời hoàn thành mục tiêu chiến lược quốc gia được đề ra từ năm 2010.

Kết quả tăng trưởng tích cực được thúc đẩy bởi nhu cầu mạnh từ các thị trường khu vực, hệ thống logistics được cải thiện và những lợi thế từ các hiệp định thương mại, trong đó có Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) và Hiệp định Thương mại Tự do Campuchia – Trung Quốc. Trung Quốc tiếp tục là một trong những thị trường tiêu thụ chủ lực đối với các dòng gạo thơm và gạo chất lượng cao của Campuchia, bên cạnh các thị trường ASEAN và Liên minh châu Âu (EU).

Kết quả trên cho thấy sự chuyển dịch của ngành lúa gạo nước này từ mô hình chủ yếu sản xuất và xuất khẩu lúa nguyên liệu sang đẩy mạnh chế biến, gia tăng giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Việc phát triển các giống gạo chất lượng cao, kết hợp với khả năng tiếp cận thị trường thuận lợi hơn thông qua các hiệp định thương mại, đang góp phần củng cố vị thế của Campuchia trong thương mại gạo toàn cầu.

Đáng chú ý, trong giai đoạn tháng 1–8/2026, xuất khẩu gạo xay xát chính thức của nước này đạt 792.212 tấn, tăng 61% so với cùng kỳ năm trước. Philippines đã vươn lên trở thành thị trường ASEAN lớn nhất đối với mặt hàng gạo xay xát của Campuchia. Diễn biến này cho thấy xuất khẩu trực tiếp gạo thành phẩm sang Philippines đang mở ra cơ hội gia tăng giá trị xuất khẩu, thay vì chủ yếu phụ thuộc vào hoạt động xuất khẩu lúa nguyên liệu.

Để hỗ trợ ngành hàng, Chính phủ Campuchia đã triển khai cơ chế tín dụng quay vòng trị giá 200 triệu USD nhằm hỗ trợ các nhà máy xay xát và doanh nghiệp xuất khẩu gạo, góp phần duy trì giá thu mua lúa tại ruộng và nâng cao năng lực xuất khẩu. Lượng tồn kho gạo cuối kỳ trong niên vụ 2026/27 dự kiến phục hồi lên 971.000 tấn, so với 571.000 tấn trong niên vụ 2025/26, nhờ kỳ vọng sản lượng lúa vụ mùa mưa được cải thiện.

Miến Điện

Ngày 22/10/2026, nước này tổ chức lễ vinh danh các nông dân, nhà sản xuất và doanh nghiệp xuất khẩu gạo Pawsan sau khi giống gạo Pawsan Hmway

giành giải thưởng World's Best Rice 2026 tại Philippines. Đây là lần thứ hai gạo Pawsan đạt danh hiệu này, sau lần đầu vào năm 2011.

Tại sự kiện, lãnh đạo nước này nhấn mạnh việc phát triển Pawsan thành thương hiệu gạo quốc gia, đồng thời thúc đẩy ứng dụng các giống Pawsan mới vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả canh tác. Hội thảo đi kèm tập trung xây dựng định hướng phát triển bền vững ngành lúa gạo, tăng cường nghiên cứu giống và nâng cao năng lực cạnh tranh của gạo nước này trên thị trường quốc tế.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	20 – 10	21 - 10	22 - 10	23 – 10	26 – 10
Trung Quốc (CNY/USD)	6,69	6,68	6,68	6,68	6,69
Châu Âu (EUR/USD)	0,89	0,89	0,89	0,89	0,89
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	18.048,48	17.984,69	18.032,34	18.097,85	18.033,28
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,08	4,08	4,08	4,08	4,08
Philippines Peso (PHP/USD)	62,97	63,09	63,43	63,45	62,99
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.331,95	1.327,22	1.327,36	1.326,35	1.334,57
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	158,50	158,20	158,13	157,10	158,09
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	94,89	94,74	94,38	94,73	95,17
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,54	2.099,22	2.100,04	2.100,35	2.099,51
Pakistan Rupees (PKR/USD)	276,61	276,70	276,96	277,00	276,83
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,57	33,61	33,60	33,71	33,46
Việt Nam Đồng (VND/USD)	25.867,87	25.865,30	25.857,57	25.810,08	25.883,63

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

**** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 26/10/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 481 ngàn ha/634 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 76%, thu hoạch được khoảng 152 ngàn ha, với năng suất ước 59,63 tạ/ha, sản lượng 906 ngàn tấn lúa.

Lúa vụ mùa 2026 đã gieo sạ được 51 ngàn ha đạt 31% kế hoạch tập trung ở tỉnh An Giang và Cà Mau.

Vụ Đông Xuân 2026-27 đã bắt đầu xuống giống được 28 ngàn ha/1,217 triệu ha đạt 2,3% diện tích kế hoạch.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/10 đến 15/10/2026 đạt ***228.871 tấn***, trị giá ***122,055 triệu USD***. Lũy kế xuất khẩu đến ngày 15/10/2026 đạt **6,586 triệu tấn**, trị giá **3,176 tỷ USD** và giá xuất khẩu bình quân đạt **482,25 USD/tấn**. So với cùng kỳ năm 2025, giảm 6,22% về lượng, về trị giá giảm 11,47% và giá bình quân giảm 5,6% (giảm 28,62 USD/tấn).

III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/10 – 26/10/2026 có 15 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 139.450 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Mike Thomas	HCM	22/09/2026	50.000	Châu Phi
2	Minh Anh 08	HCM	06/10/2026	3.500	Malaysia
3	Vinh 02	HCM	10/10/2026	4.500	Malaysia
4	Quang Vinh 379	HCM	13/10/2026	4.150	Malaysia
5	Hoàng Hải Star	HCM	15/10/2026	3.250	Malaysia
6	Adira 88	HCM	20/10/2026	5.000	Philippines
7	Red Diamond	HCM	20/10/2026	49.000	Châu Phi
8	MD Sea	HCM	23/10/2026	10.700	Philippines
9	Adira 15	HCM	24/10/2026	4.500	Philippines
10	Quang Minh 45	HCM	25/10/2026	4.900	Philippines
11	Mekong Star	HCM	25/10/2026	2.900	Philippines
12	Hòa Bình 45	HCM	26/10/2026	4.000	Philippines
13	Nashico Eagle	HCM	26/10/2026	6.350	Philippines
14	Tân An Dynamic	HCM	26/10/2026	6.800	Philippines
15	Quang Minh 5	HCM	27/10/2026	4.900	Philippines
16	Zaccar	HCM	26/10/2026	25.000	Châu Phi
TỔNG CỘNG				**189.450**	

IV. GIÁ LÚA/GẠO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	22/10	+/-	22/10	+/-	22/10	+/-	22/10	+/-	22/10	+/-	22/10	+/-	22/10	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	6.650	+400	6.450	+300	6.450	+200	6.600	+200	6.700	+525	6.700	+300	6.550	+300	6.700	6.586
Lúa thường	6.150	+200	5.950	+50	6.050	+100	6.150	+175	5.950	-	6.150	+175	6.050	+200	6.150	6.064
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	8.050	+400	7.850	+350	7.900	+230	7.950	+300	8.750	-			8.350	+400	8.750	8.142
Lúa thường	7.850	+400	7.250	+50	7.210	+110	7.850	+400	8.200	-			7.350	+300	8.200	7.618
Gạo Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	9.150	+400	9.650	-	10.025	+375	9.850	+200	9.775	+525			10.100	+650	10.100	9.758
Lứt loại 2	9.050	+400	8.950	+100	8.950	+100	8.950	+100	8.875	-75	9.050	+100	9.050	+100	9.050	8.982
Xát trắng loại 1			10.450	-400			10.325	-25	11.125	+775	11.125	+275	10.700	+450	11.125	10.745
Xát trắng loại 2			10.150	-300			10.150	-	9.950	-	10.150	-300	10.050	+300	10.150	10.090
Phụ Phẩm																
Tấm 1/2	8.950	+100	9.350	+450	9.050	-	9.050	-	9.250	+725	9.350	+300	9.150	+400	9.350	9.164
Tấm 2/3			8.700	-	9.050	-			8.650	+225			8.450	+100	9.050	8.713
Tấm 3/4	8.550	-	8.600	-	8.650	-							8.450	+100	8.650	8.563
Cám xát	7.850	-	7.550	-	8.325	-	8.100	-150	8.050	+525	8.325	-25	7.950	+500	8.325	8.021
Cám lau	7.850	-	7.450	-	8.325	-	7.775	-475	8.050	+525	8.325	-25	8.050	+500	8.325	7.975
Gạo TPXK Không Bao Tại Mạn																
5%	10.300	-100	10.950	-100	10.300	+100	10.400	-100	10.250	-	10.950	-100	10.450	+200	10.950	10.514
10%			10.850	-100					10.050	-			10.350		10.850	10.417
15%	10.100	-100	10.750	-100	10.100	+100	10.200	-100	9.850	-	10.750	-100	10.150	+200	10.750	10.271
20%									9.550	-					9.550	9.550
25%	9.900	-100	9.950	-100	9.900	+100	10.000	-100	9.250	-	10.000	-100	9.850	+200	10.000	9.836

***